

Bản án số: 01/2024/HS-ST

Ngày 02 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thúy Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoan.

2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2023/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 74/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức C - sinh năm: 1999 tại QuPh, TK, Hải Dương. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn ThA, xã QuPh, huyện TK, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị H - sinh năm: 1957. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án:

- Bản án số: 49/2019/HS-ST ngày 10/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện GiL, tỉnh Hải Dương xử phạt Nguyễn Đức C 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 7.287.000 đồng. C chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/7/2020).

- Bản án số: 09/2021/HS-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện GiL, tỉnh Hải Dương áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS "*Tái phạm*" xử phạt Nguyễn Đức C 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.555.000 đồng).

- Bản án số: 30/2021/HS-ST ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Hải Dương áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS "*Tái phạm*", xử phạt Nguyễn Đức C 13 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tổng giá trị tài sản bị

chiếm đoạt là 5.300.000 đồng. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 09 và Bản án số 30 là 25 tháng tù. C chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/01/2023).

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 23/6/2016 bị UBND xã QuPh, huyện TK áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thời hạn 06 tháng vì đã nhiều lần thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản.

- Bản án số: 86/2017/HSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện GiL, tỉnh Hải Dương xử phạt Nguyễn Đức C 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Bản án số: 185/2023/HS-ST ngày 28/11/2023, Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C 08 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 02/9/2023.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương trong một vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông Đỗ Văn B, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Thôn NghD, xã ĐS, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn MĐ, xã ĐS, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1961. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày: 09/11/2012. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày: 02/9/2007. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của cháu M, cháu H: Chị Đỗ Thị H, sinh năm: 1988. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1988. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Ông Nhữ Văn H, sinh năm: 1969. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Anh Trần Trung K, sinh năm: 1982. Vắng mặt tại phiên tòa.

7. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1957. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức C không có việc làm ổn định, do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên trong thời gian từ tháng 7/2023 đến tháng 8/2023 đã thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 00 giờ ngày 06/7/2023, C đi bộ một mình từ thành phố HD về xã ĐS, huyện TK, tỉnh Hải Dương xem có nhà dân nào sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ 00' cùng ngày, C đi đến nhà ông Đỗ Văn B, sinh năm: 1962 ở thôn NghD, xã ĐS, huyện TK, tỉnh Hải Dương, thấy sơ hở nên C trèo qua tường bao gần cổng đi vào sân. Lúc này, ông B đang ngủ trên chiếc ghế ở sân trước cửa nhà. C đi qua vị trí ông B lên hiên nhà, thấy cửa chính không khoá, chỉ khép hờ nên C mở cửa đi vào trong nhà. Do phòng có ánh sáng của đèn ngủ nên C quan sát thấy bên phải hướng từ cửa chính vào là chiếc tủ bằng nhôm kính kê sát tường, phần giữa tủ có để một chiếc tivi, bên cạnh tivi có để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, Galaxy A53, lắp sim số 0975.407.131 đang cắm sạc pin và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel lắp sim số 0345.377.915. C rút dây sạc pin, cầm 02 chiếc điện thoại này cho vào trong túi quần phía trước bên trái C đang mặc và đi ra ngoài theo lối đã vào nhà. Khi C mở cửa đi ra hiên nhà thì ông B thức dậy, phát hiện thấy C, ông B hô “*Trộm, trộm*”. C chạy nhanh xuống sân, trèo qua tường ra ngoài rồi chạy về phía đường 391 để tẩu thoát. Ông B đuổi theo C một đoạn nhưng không đuổi kịp. Sau khi lấy trộm được tài sản nhà ông B, C đi bộ sang địa phận huyện GiL, nằm ngủ ở ngoài đồng. Sáng cùng ngày, C tháo sim ở hai chiếc điện thoại trộm cắp được của ông B rồi vứt xuống mương nước cạnh đó, hai chiếc điện thoại C mang bán tại một cửa hàng sửa chữa điện thoại trên thành phố HD (không nhớ cụ thể ngày và địa chỉ) được 2.500.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 06/7/2023, ông B làm đơn trình báo lên Công an xã ĐS, huyện TK.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ 00' ngày 22/8/2023, C đi bộ một mình từ thành phố HD theo đường 391 về xã ĐS, huyện TK, tỉnh Hải Dương mục đích xem có nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khoảng 00 giờ 00' ngày 23/8/2023, C đi đến nhà chị Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1985 ở thôn MĐ, xã ĐS, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Quan sát thấy bên trái nhà có khu đất trống, tường bao thấp, có khe hở để vào sân nên C trèo qua tường vào khu đất trống rồi tiếp tục trèo lên tường, lách người qua hàng rào sắt để vào trong sân, rồi bò vào trong phòng, thấy bên tay phải từ cửa chính đi vào có chị Th, anh K và cháu H đang nằm ngủ trên giường, phòng có ánh đèn ngủ, C quan sát thấy có 02 chiếc điện thoại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21s, vỏ màu xanh, lắp sim số 0948.968.628 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 5, vỏ màu đen, không lắp sim, đang cắm sạc pin để ở trên mặt bàn cạnh đầu giường. C dùng tay trái cầm điện thoại, tay phải rút dây cắm sạc 02 chiếc điện thoại trên rồi đút 02 điện thoại vào túi quần bên trái đang trước C đang mặc. C tiếp tục quan sát thấy ở vị trí nền nhà phía cuối cạnh chân giường có 01 túi xách màu đen, bên trong có 01 ví giả da đựng 1.000.000 đồng tiền mặt (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng), 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 34B1-300.04, 01 căn cước công dân, 01 thẻ ngân hàng TP Bank, 01 thẻ ngân hàng BIDV,

01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Nguyễn Thị Th, 01 dây chuyền bằng vàng 10k và 02 nhẫn bằng vàng 9999 để trong ngăn khóa của túi. C cầm chiếc túi rồi đi ra theo lối cũ để tẩu thoát. Khi đi đến thành phố HD, C mở túi lấy ra 01 dây chuyền bằng vàng, 02 nhẫn bằng vàng 9999 và số tiền 1.000.000 đồng rồi đút vào túi quần phía trước bên phải đang mặc, còn túi xách, ví giả da và các giấy tờ trong ví, C vứt ở lề đường (không xác định được vị trí cụ thể). Sáng cùng ngày, C đến một cửa hàng vàng bạc trên thành phố HD (không nhớ địa chỉ) bán 01 dây chuyền bằng vàng 10k và 02 nhẫn bằng vàng, mỗi nhẫn 01 chỉ cho một người đàn ông không quen biết được 7.050.000 đồng. Sau đó, C mang 02 chiếc điện thoại trộm cắp được của chị Th bán cho một cửa hàng mua bán điện thoại trên thành phố HD (không nhớ địa chỉ) được 1.000.000 đồng. Số tiền trên, C đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngoài ra, C còn thực hiện hai hành vi trộm cắp tài sản tại thành phố HD vào các ngày 29 và 30/8/2023 và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố HD khởi tố, điều tra giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản Kết luận định giá tài sản số: 15/KL-ĐGTS ngày 08/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản - UBND huyện TK kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, Galaxy A53, dung lượng 128GB, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng. Tại thời điểm bị trộm cắp ngày 06/7/2023 có giá trị là 4.400.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ màu đen, đã qua sử dụng. Tại thời điểm bị trộm cắp ngày 06/7/2023 có giá trị là 150.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 4.550.000 đồng.

Bản Kết luận định giá tài sản số: 21/KL-ĐGTS ngày 12/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản - UBND huyện TK kết luận: 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO, loại Y21s, tại thời điểm bị trộm cắp có giá trị là 1.800.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO, loại Reno5 tại thời điểm bị trộm cắp có giá trị là 1.600.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 10k tại thời điểm định giá tài sản không đủ căn cứ để xác định giá; 02 nhẫn vàng 9999 tại thời điểm định giá tài sản không đủ căn cứ để xác định giá; 01 túi xách giả da, màu đen, tại thời điểm định giá không còn giá trị; 01 ví giả da màu đen tại thời điểm định giá không còn giá trị; tổng giá trị tài sản là: 3.400.000 đồng.

Bản Kết luận định giá tài sản số: 23/KL-ĐGTS ngày 08/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản - UBND huyện TK kết luận: 01 dây chuyền bằng vàng 10k, khối lượng 2 chỉ, được mua mới vào khoảng năm 2020 với số tiền 5.200.000 đồng. Tại thời điểm bị trộm cắp ngày 23/8/2023 có giá trị là 5.300.000 đồng; 02 nhẫn bằng vàng 9999, loại nhẫn trơn, khối lượng mỗi nhẫn 01 chỉ, được mua mới vào năm 2022 với số tiền 10.400.000 đồng. Tại thời điểm bị trộm cắp ngày 23/8/2023 có giá trị là 11.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 16.900.000 đồng.

Bản Kết luận giám định số: 7915/KL-KTHS ngày 16/11/2023 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 02 (hai) tệp video gửi giám định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá, về kết luận giám định, về vật chứng và về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, trình bày bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, đi lang thang, chuyên trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu, sinh sống, lấy thu nhập từ việc trộm cắp tài sản làm nguồn sống chính và xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện TK truy tố bị cáo về tội danh trên là đúng đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo nhất trí bồi thường cho các bị hại bằng tiền như các bị hại yêu cầu.

Bị hại ông Đỗ Văn B và chị Nguyễn Thị Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị Th vẫn có mặt. Ông Đỗ Văn B yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông trị giá hai chiếc điện thoại bị chiếm đoạt là 4.550.000 đồng. Đối với 02 sim điện thoại trong tài khoản sim không còn tiền và tiền làm lại sim, ông tự làm lại được nên không yêu cầu định giá, không yêu cầu tính giá trị và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Chị Nguyễn Thị Th yêu cầu bị cáo bồi thường cho chị trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 21.300.000 đồng. Đối với 01 sim Viettel trong tài khoản sim không còn tiền và các giấy tờ của chị đều mang tên chị, chị tự làm lại được nên không yêu cầu định giá, không yêu cầu tính giá trị và không yêu cầu bị cáo bồi thường, đối với 01 túi giả da, 01 ví giả da không còn giá trị nên chị cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường. Đồng thời các bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số: 78/VKS - HS ngày 29/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện TK truy tố bị cáo Nguyễn Đức C về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TK thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Về hình phạt chính: áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s, r, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 56 của Bộ luật hình sự; xử phạt: bị cáo Nguyễn Đức C từ 36 đến 39 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với 08 tháng tù của Bản án số: 185/2023/HS-ST ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 44 đến 47 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 02/9/2023. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo không có nghề nghiệp và tài sản riêng; Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586, Điều 589, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đức C phải bồi thường cho ông Đỗ Văn B số tiền 4.550.000 đồng;

bồi thường cho chị Nguyễn Thị Th số tiền 21.300.000 đồng. Về xử lý vật chứng: không phải giải quyết. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, buộc bị cáo Nguyễn Đức C phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.292.500 đồng (*Một triệu hai trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TK, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TK, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở đơn trình báo và lời khai của bị hại, lời khai của bị cáo, người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, biên bản giải trình dữ liệu camera, biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận định giá tài sản, kết luận giám định và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 01 giờ 00' ngày 06/7/2023 tại gia đình ông Đỗ Văn B ở thôn NghD, xã ĐS, huyện TK, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Đức C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, Galaxy A53, lắp sim số 0975.407.131 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel lắp sim số 0345.377.915, tổng giá trị tài sản là 4.550.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) và khoảng 00 giờ 15 phút ngày 23/8/2023 tại gia đình chị Nguyễn Thị Th ở thôn MĐ, xã ĐS, huyện TK, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Đức C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO loại Y21s lắp sim số 0948.968.628, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno5 không lắp sim, 01 túi xách màu đen bên trong có 01 dây chuyền bằng vàng 10k, 02 nhẫn bằng vàng 9999, 01 ví màu đen bên trong có 1.000.000 đồng, cùng một số giấy tờ cá nhân của chị Th, tổng giá trị tài sản là 21.300.000 đồng (*Hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng*). Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trên của ông B và chị Th là vi phạm pháp luật nhưng với mục đích tư lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 25.850.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “*Trộm cắp*

tài sản”. Bị cáo đã cố ý phạm tội từ 05 lần trở lên về cùng tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích và đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy số tiền từ việc bán tài sản trộm cắp và số tiền trộm cắp được từ việc phạm tội làm nguồn sống chính nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt *"có tính chất chuyên nghiệp"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo có 03 tiền án, ngày 10/7/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện GiL, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 23/3/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện GiL, tỉnh Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 23/6/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Hải Dương xử phạt 13 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt của hai bản án là 25 tháng tù, bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt *"tái phạm nguy hiểm"* quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát huyện TK truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, đã lợi dụng sự sơ hở của ông B và chị Th trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản của họ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án thì thấy: bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án, bị xử phạt hành chính. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hai hành vi trộm cắp tài sản của ông B và chị Th, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khai báo với Cơ quan điều tra hành vi Trộm cắp tài sản tại gia đình chị Nguyễn Thị Th nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội tự thú; tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị dưới 50 triệu đồng nên bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, r, h khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật nhưng vẫn cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Sau khi thực hiện các hành vi phạm tội trên, ngày 29 và 30/8/2023, bị cáo còn thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác tại thành phố HD và tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 185/2023/HS-ST ngày 28/11/2023, Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương đã xử phạt bị cáo 08 tháng tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"*, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giam 02/9/2023. Đến nay, bản án này đã

có hiệu lực pháp luật. Do đó, căn cứ vào Điều 55 và Điều 56 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử phải tổng hợp hình phạt với bản án này để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[5] Đối với những người đã mua tài sản do bị cáo C trộm cắp mà có nhưng quá trình điều tra không làm rõ được tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, Galaxy A53 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel của ông Đỗ Văn B, tổng trị giá 4.550.000 đồng; đối với 01 dây chuyền bằng vàng 10k và 02 nhẫn bằng vàng 9999; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, loại Y21s, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno5 và số tiền 1.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Th, tổng trị giá 21.300.000 đồng đều là tài sản hợp pháp của ông B và chị Th đã bị bị cáo C chiếm đoạt, không thu hồi được. Ông B và chị Th đều yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản theo hội đồng định giá đã kết luận bằng tiền, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của các bị hại là có căn cứ nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho họ trị giá tài sản đã bị bị cáo chiếm đoạt theo giá trị mà Hội đồng định giá đã định giá và theo yêu cầu của bị hại với số tiền trên là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Bị cáo phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Đối với 02 sim Viettel số 0975.407.131 và số 0345.377.915, ông B xác định trong tài khoản 02 sim này không còn tiền nên không yêu cầu bị cáo C phải bồi thường; đối với 01 sim Viettel số 0948.968.628, chị Th xác định trong tài khoản sim không còn tiền và các giấy tờ gồm: 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 34B1-300.04, 01 căn cước công dân, 01 thẻ ngân hàng TP Bank, 01 thẻ ngân hàng BIDV, 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Nguyễn Thị Th, chị Th tự làm lại được, 01 túi giả da, 01 ví giả da không còn giá trị nên chị Th không yêu cầu bị cáo C phải bồi thường, vì vậy, không đặt ra giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, Galaxy A53 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, 02 sim Viettel số 0975.407.131 và số 0345.377.915; 01 dây chuyền bằng vàng 10k và 02 nhẫn bằng vàng 9999, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, loại Y21s, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno5, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 34B1-300.04, 01 căn cước công dân, 01 thẻ ngân hàng TP Bank, 01 thẻ ngân hàng BIDV, 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Nguyễn Thị Th, quá trình điều tra không xác định được vị trí C vớt và không làm rõ được tên, địa chỉ của các cửa hàng C mang tài sản đến bán; số tiền 1.000.000 đồng, C đã chi tiêu cá nhân hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TK không thu giữ được, vì vậy, không đặt ra giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải bồi thường cho các bị hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s, r, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 56; Điều 38; Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Đức C 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù. Tổng hợp hình phạt với 08 (*tám*) tháng tù của Bản án số: 185/2023/HS-ST ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo về tội: "*Trộm cắp tài sản*", buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 44 (*Bốn mươi tư*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 02/9/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đức C phải bồi thường cho ông Đỗ Văn B số tiền 4.550.000đ (*Bốn triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*); bồi thường cho chị Nguyễn Thị Th số tiền 21.300.000đ (*Hai mươi một triệu ba trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS 2015, nếu không thoả thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: buộc bị cáo Nguyễn Đức C phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.292.500 đồng (*Một triệu hai trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi

hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện TK;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra Công an huyện TK;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện TK;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện TK;
- Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thúy Hạnh

